

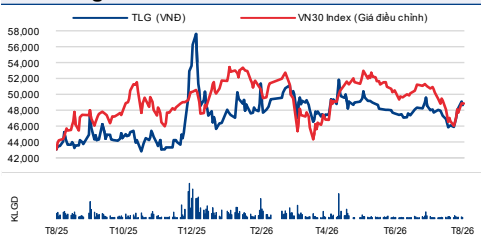
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ54,900
Tiềm năng tăng/giảm: 13.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (5/8/2026)	48,600
Mã Bloomberg	TLG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,825-57,601
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,783
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,691
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	179
Slg CP lưu hành (tr.đv)	96.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	96.5
Slg CP NN được mua (tr.đv)	85.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.3%
Tỷ lệ freefloat	33.4%
Cổ đông lớn	Thọ và bên liên quan (56.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	4,174	4,771	5,321
EBITDA đc (tỷ đồng)	592	668	719
LNTT (tỷ đồng)	574	599	649
LNT ĐC (tỷ đồng)	541	566	608
FCF (tỷ đồng)	94.7	161	244
EPS ĐC (đồng)	4,248	4,373	4,740
DPS (đồng)	2,500	2,500	2,500
BVPS (đồng)	26,184	27,958	30,043
T. trưởng EBITDA (%)	(7.97)	12.7	7.69
T. trưởng EPS ĐC (%)	(2.64)	2.94	8.41
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	14.0	13.5
Tỷ suất LNTT (%)	13.8	12.6	12.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	10.8	9.83	9.55
Tỷ lệ LN trả CT (%)	58.9	57.2	52.7
Nợ thuần/VCSH (%)	(0.95)	(0.71)	(3.52)
ROAE (%)	18.5	17.9	18.2
ROACE (%)	20.3	21.6	21.9
EV/doanh thu (lần)	1.11	0.98	0.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.85	6.97	6.35
P/E ĐC (lần)	11.4	11.1	10.3
P/B (lần)	1.86	1.74	1.62
Lợi suất cổ tức (%)	5.14	5.14	5.14

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TLG là nhãn hiệu văn phòng phẩm hàng đầu Việt Nam, với danh mục sản phẩm đa dạng gồm bút viết, dụng cụ văn phòng, dụng cụ học sinh và dụng cụ mỹ thuật.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Lê Hoài Phúc

Chuyên viên cao cấp, Ngành Hàng Tiêu
phuc.nlh@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2026: Vượt dự báo, nhưng tăng trưởng nhờ xuất khẩu gây áp lực lên tỷ suất lợi nhuận

- Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 9% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận thuần giảm 10% xuống 199 tỷ đồng (do doanh thu nội địa suy yếu, tỷ suất lợi nhuận xuất khẩu giảm và các khoản mục ngoài hoạt động không như kỳ vọng). Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt 315 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ và bằng 67% dự báo cả năm 2026 của HSC; chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình.
- Xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng doanh thu chính trong Q2/2026 (tăng 26,1% so với cùng kỳ) nhưng đóng góp không đáng kể vào mức tăng lợi nhuận gộp do tỷ suất lợi nhuận gộp xuất khẩu giảm 7,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống mức 29,9%. Trong khi đó, doanh thu nội địa chỉ tăng 2,8% so với cùng kỳ, thấp hơn kỳ vọng, mặc dù tỷ suất lợi nhuận gộp nội địa duy trì vững ở mức 59%.
- TLG đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 10,6 lần, so với bình quân 3 năm là 9,8 lần. Trong khi chờ đánh giá lại, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 54.900đ.

Sự kiện: KQKD Q2/2026 thấp hơn dự báo của HSC

TLG công bố **doanh thu thuần** Q2/2026 đạt 1.354 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ (tăng 35,4% so với quý trước), và **lợi nhuận thuần** đạt 199 tỷ đồng, giảm 10,8% so với cùng kỳ (tăng 72,2% so với quý trước nhờ yếu tố mùa vụ như thường lệ), chủ yếu do các khoản mục ngoài hoạt động. Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 2.350 tỷ đồng (tăng 15,4% so với cùng kỳ) và 315 tỷ đồng (tăng 4,5% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 49% và 67% dự báo cả năm 2026 tương ứng của HSC – theo đó lợi nhuận vượt dự báo. Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình.

Doanh thu nội địa trong Q2/2026 tăng 2,8% so với cùng kỳ đạt 958 tỷ đồng, đóng góp 70,8% doanh thu thuần (Q2/2025: 74,8%) nhưng thấp hơn dự báo của HSC. Trong khi đó, **doanh thu xuất khẩu**, vốn thường có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn, tăng mạnh hơn với mức 26,1% so với cùng kỳ đạt 396 tỷ đồng, cao hơn dự báo của HSC; qua đó, tỷ trọng xuất khẩu trong tổng doanh thu thuần tăng từ mức 25,2% trong Q2/2025 lên 29,2%.

Tỷ suất lợi nhuận xuất khẩu khiến tỷ suất lợi nhuận gộp giảm

Lợi nhuận gộp Q2/2026 tăng 2% so với cùng kỳ đạt 684 tỷ đồng, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp 3,3 điểm phần trăm xuống 50,5%, phản ánh tỷ trọng doanh thu xuất khẩu tăng (làm tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 0,9 điểm phần trăm) và tỷ suất lợi nhuận gộp xuất khẩu giảm (làm giảm 2,1 điểm phần trăm). Đáng chú ý, lợi nhuận gộp từ xuất khẩu chỉ tăng nhẹ 1,9% so với cùng kỳ đạt 119 tỷ

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 6/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2026, TLG

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Doanh thu thuần	1,246	1,354	8.7%	2,040	2,354	15.4%	49%
Lợi nhuận gộp	671	684	2.0%	1,011	1,166	15.4%	50%
Chi phí BH&QL	(407)	(424)	4.2%	(651)	(759)	16.6%	43%
Lợi nhuận thuần	222	199	-10.2%	301	315	4.8%	67%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	53.8%	50.5%	-3.3 điểm %	49.5%	49.5%	0.0 điểm %	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-32.7%	-31.3%	1.4 điểm %	-31.9%	-32.2%	-0.3 điểm %	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	17.8%	14.7%	-3.1 điểm %	14.7%	13.4%	-1.4 điểm %	

Nguồn: TLG, HSC ước tính

đồng, thấp hơn nhiều so với mức tăng của doanh thu, tương ứng tỷ suất lợi nhuận gộp xuất khẩu là 29,9%, giảm 7,1 điểm % so với cùng kỳ. Đây là nguyên nhân chính khiến tỷ suất lợi nhuận gộp chung suy giảm.

Chi phí quản lý & bán hàng tăng 4,1% so với cùng kỳ, chậm hơn mức tăng doanh thu thuần, qua đó tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu giảm 1,4 điểm phần trăm xuống mức 31,3% và phần nào bù đắp tác động từ tỷ suất lợi nhuận gộp suy giảm.

Lợi nhuận thuần giảm so với cùng kỳ do các khoản mục ngoài hoạt động

Lợi nhuận thuần trong quý giảm 10,8% so với cùng kỳ (tương đương 23,3 tỷ đồng) trong khi lợi nhuận gộp tăng 2%. Ba khoản mục ngoài hoạt động sau đây khiến lợi nhuận giảm 22,9 tỷ đồng so với cùng kỳ:

- Lỗ từ công ty liên kết: Biến động bất lợi 13,3 tỷ đồng, từ lãi 3,6 tỷ đồng trong Q2/2025 sang lỗ 9,7 tỷ đồng trong Q2/2026, chủ yếu do CTCP Văn hóa Phương Nam (lỗ khoảng 16 tỷ đồng nếu tính trên cơ sở sở hữu 100%) và Pega Holdings (lỗ 1,8 tỷ đồng).
- Thu nhập khác: Giảm 5,9 tỷ đồng so với cùng kỳ xuống 0 đồng.
- Chi phí tài chính: Tăng 2,8 tỷ đồng so với cùng kỳ – từ 12,1 tỷ đồng lên 14,9 tỷ đồng – do chi phí lãi vay tăng.

Chi phí thuế TNDN giảm 3,8 tỷ đồng, bù đắp một phần nhỏ và giúp thuế suất thực tế duy trì ổn định ở mức 21,2%.

Mùa tựu trường dự kiến hỗ trợ đà tăng trưởng nội địa trong nửa cuối năm 2026

HSC kỳ vọng doanh thu nội địa sẽ cải thiện trong mùa tựu trường cao điểm Q3, nhờ kênh bán hàng truyền thống trở lại bình thường, kênh bán hàng hiện đại và thương mại điện tử tiếp tục mở rộng, cùng các chương trình khuyến mại dành cho những nhóm đồ dùng học tập chủ lực.

Các đơn hàng xuất khẩu sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng doanh thu, nhưng triển vọng lợi nhuận sẽ phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận gộp xuất khẩu khi việc chuyển dần chi phí tăng vào giá bán giúp bù đắp chi phí đầu vào cao hơn. Flexoffice Philippines, hiện là công ty con do TLG sở hữu 70%, cũng tạo nền tảng trực tiếp để TLG mở rộng tại thị trường Philippines.

Xem xét lại dự báo

Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, TLG đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 10,6 lần, chỉ hơi cao hơn bình quân 3 năm ở mức 9,8 lần. Trong khi chờ đánh giá lại, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 54.900đ (tiềm năng tăng giá 13%). Rủi ro giảm chính đối với dự báo của HSC gồm áp lực kéo dài lên tỷ suất lợi nhuận xuất khẩu, thị trường nội địa phục hồi chậm hơn và việc trì hoãn chuyển chi phí tăng vào giá bán.

Bảng 2: Cơ cấu KQKD Q2/2026 theo thị trường, TLG

	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,246	1,354	8.7%	35.4%	2,040	2,354	15.4%
Trong nước	932	958	2.8%	45.1%	1,443	1,619	12.2%
Xuất khẩu	314	396	26.1%	16.7%	597	735	23.1%
Lợi nhuận gộp	671	684	2.0%	42.1%	1,011	1,166	15.4%
Trong nước	555	566	2.0%	58.0%	793	924	16.5%
Xuất khẩu	116	119	1.9%	-4.0%	218	242	11.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	53.8%	50.5%	-3.3 điểm %	2.4 điểm %	49.5%	49.5%	0.0 điểm %
Tỷ suất lợi nhuận gộp trong nước	59.5%	59.0%	-0.5 điểm %	4.8 điểm %	55.0%	57.1%	2.1 điểm %
Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng xuất khẩu	37.0%	29.9%	-7.1 điểm %	-6.5 điểm %	36.4%	32.9%	-3.5 điểm %

Nguồn: TLG, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	3,759	4,174	4,771	5,321	5,876
Lợi nhuận gộp	1,675	2,069	2,344	2,573	2,832
Chi phí BH&QL	(1,127)	(1,569)	(1,773)	(1,953)	(2,129)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	549	499	571	620	703
Lãi vay thuần	13.8	9.78	8.31	9.23	9.23
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	1.20	2.20	0	0	0
Lợi nhuận khác	16.5	11.5	13.6	13.6	13.6
LN không thường xuyên	6.83	51.5	6.41	6.41	6.41
LNTT	587	574	599	649	732
Chi phí thuế TNDN	(127)	(125)	(130)	(141)	(159)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.47)	(1.42)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	462	451	469	508	573
Lợi nhuận thuần ĐC	561	541	566	608	674
EBITDA ĐC	644	592	668	719	803
EPS (đồng)	4,363	4,248	4,373	4,740	5,347
EPS ĐC (đồng)	4,363	4,248	4,373	4,740	5,347
DPS (đồng)	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	95.2	95.6	96.5	96.5	96.5
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	95.2	96.5	96.5	96.5	96.5
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	95.2	96.5	96.5	96.5	96.5

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	700	487	485	570	717
Đầu tư ngắn hạn	361	424	450	450	450
Phải thu khách hàng	649	801	972	1,085	1,200
Hàng tồn kho	785	826	944	1,098	1,254
Các tài sản ngắn hạn khác	176	223	227	232	236
Tổng tài sản ngắn hạn	2,671	2,761	3,078	3,435	3,857
TSCĐ hữu hình	505	510	449	377	295
TSCĐ vô hình	23.4	13.4	10.1	6.83	3.52
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	27.0	2.12	2.12	2.12	2.12
Đầu tư vào Cty LD,LK	37.2	180	180	180	180
Tài sản dài hạn khác	96.3	95.9	98.1	100	102
Tổng tài sản dài hạn	689	801	739	666	582
Tổng cộng tài sản	3,360	3,562	3,817	4,101	4,439
Nợ ngắn hạn	487	439	439	439	439
Phải trả người bán	260	270	312	353	391
Nợ ngắn hạn khác	182	238	272	306	339
Tổng nợ ngắn hạn	986	1,008	1,092	1,175	1,254
Nợ dài hạn	6.20	6.20	6.20	6.20	6.20
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	6.20	6.20	6.20	6.20	6.20
Tổng nợ phải trả	1,012	1,034	1,118	1,201	1,280
Vốn chủ sở hữu	2,347	2,528	2,699	2,900	3,160
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	2,347	2,528	2,699	2,900	3,160
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,360	3,562	3,817	4,101	4,439
BVPS (đ)	24,649	26,184	27,958	30,043	32,734
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(207)	(41.6)	(39.1)	(124)	(272)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	549	499	571	620	703
Khấu hao	(95.2)	(93.0)	(97.3)	(99.2)	(101)
Lãi vay thuần	13.8	9.78	8.31	9.23	9.23
Thuế TNDN đã nộp	-	-	-	-	-
Thay đổi vốn lưu động	(314)	(390)	(386)	(350)	(377)
Khác	15.4	(4.10)	(9.91)	(12.2)	(12.4)
LCT thuần từ HKKD	359	220	294	379	437
Đầu tư TS dài hạn	(83.2)	(125)	(133)	(135)	(136)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	4.70	81.2	0	0	0
Khác	115	(148)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	36.4	(192)	(133)	(135)	(136)
Cổ tức trả cho CSH	(157)	(217)	(241)	(241)	(241)
Thu từ phát hành CP	(0.30)	13.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	209	(47.3)	0	0	0
Khác	0	0	78.4	82.2	88.1
LCT thuần từ HĐTC	51.7	(252)	(163)	(159)	(153)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	243	700	487	485	570
LCT thuần trong kỳ	447	(224)	(2.46)	85.2	147
Ảnh hưởng của tỷ giá	9.70	10.7	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	700	487	485	570	717
Dòng tiền tự do	276	94.7	161	244	301

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.6	49.6	49.1	48.4	48.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	17.1	14.2	14.0	13.5	13.7
Tỷ suất LNT (%)	12.3	10.8	9.83	9.55	9.76
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.6	21.7	21.7	21.7	21.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	8.57	11.1	14.3	11.5	10.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.0	(7.97)	12.7	7.69	11.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	24.3	(3.45)	4.59	7.30	10.9
Tăng trưởng EPS (%)	28.6	(2.64)	2.94	8.41	12.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	28.6	(2.64)	2.94	8.41	12.8
Tăng trưởng DPS (%)	(28.6)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	57.3	58.9	57.2	52.7	46.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	20.8	18.5	17.9	18.2	18.9
ROACE (%)	24.3	20.3	21.6	21.9	23.0
Vòng quay tài sản (lần)	1.22	1.21	1.29	1.34	1.38
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.65	0.44	0.52	0.61	0.62
Số ngày tồn kho	138	143	142	146	150
Số ngày phải thu	114	139	146	144	144
Số ngày phải trả	45.6	46.8	46.8	46.8	46.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(8.48)	(0.95)	(0.71)	(3.52)	(7.82)
Nợ/tài sản (%)	14.9	13.0	12.2	11.4	10.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.78	0.78	0.70	0.65	0.59
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.71	2.74	2.82	2.92	3.08
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.18	1.11	0.98	0.86	0.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.87	7.85	6.97	6.35	5.50
P/E (lần)	11.1	11.4	11.1	10.3	9.09
P/E ĐC (lần)	11.1	11.4	11.1	10.3	9.09
P/B (lần)	1.97	1.86	1.74	1.62	1.48
Lợi suất cổ tức (%)	5.14	5.14	5.14	5.14	5.14

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn